

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 40/2020/HN-ST

Ngày: 09/02/2021

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.
- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Sương.

Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây gia phiên tòa: Ông **Đoàn Khắc Huy** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1984.

Cư trú: ấp Phú Quới, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

* Bị đơn: **Phạm D**, sinh năm 1984.

Cư trú: ấp Phú Quới, xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị L trình bày:

Chị và anh D tổ chức cưới nhau năm 2007 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/10/2007. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh D sử dụng ma túy, chị khuyên ngăn mà không được nên xảy ra cự cãi đến tháng 5/2017 thì anh D lên cơn nghiện xảy ra mâu thuẫn xô xát làm anh ruột chị té đập đầu chết, anh D bị Tòa án xét xử với hình phạt là 05 năm 06 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước (phân trại 02, đội 23). Trước đây, chị có nộp đơn xin ly hôn với anh D tại Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây

nhưng vì tình nghĩa (trong thời gian này anh cũng đang chấp hành án) nên chị đã rút đơn lại để gia đình khỏi xảy ra xáo xáo. Nay, tôi thấy không thể chung sống với anh D được nữa, vợ chồng sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Phạm Nguyễn Bảo D, sinh ngày 17/4/2008 và Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/8/2010, hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai anh D trình bày: Anh và chị L đăng ký kết hôn năm 2007, sinh được hai người con. Trong thời gian sinh sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Khi anh đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước, vợ có đến thăm gặp hàng tháng tại phòng riêng, tình cảm vợ chồng rất tốt. Anh mong muốn được gặp vợ để hòa giải để cùng nhau lo lắng cho hai con.

* Tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như nêu trên. Anh D đồng ý ly hôn với chị L, về con chung: anh đồng ý giao hai cháu Bảo D và Bảo N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị L với anh D. Về con chung: giao cháu Phạm Nguyễn Bảo D, sinh ngày 17/4/2008 và Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/8/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm D tự nguyện tổ chức cưới năm 2007, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 50 ngày 26/10/2007 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh D nguyên nhân anh D sử dụng ma túy, chị khuyên ngăn mà không được nên xảy ra

cự cải đến tháng 5/2017 thì anh D lên cơn nghiện xảy ra mâu thuẫn xô xát làm anh ruột chị té đập đầu chết, anh D bị Tòa án xét xử với hình phạt là 05 năm 06 tháng tù và hiện đang chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước. Tại phiên tòa, anh D đồng ý ly hôn với chị L nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L, anh D là phù hợp với Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung tên Phạm Nguyễn Bảo D, sinh ngày 17/4/2008 và Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/8/2010 hiện đang sống với chị L. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Tại phiên tòa, anh D đồng ý giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nghĩ nên ghi nhận đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu mong muốn được sống với mẹ. Do đó, giao hai cháu Bảo D, Bảo N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L, anh D không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Phạm D.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Phạm Nguyễn Bảo D, sinh ngày 17/4/2008 và Phạm Nguyễn Bảo N, sinh ngày 12/8/2010 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp

- Về án phí HNST:

Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0016787 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị L đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Đương sự;
- UBND xã Bình Nhì;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

